

quyết giảm nhẹ biên chế gián tiếp, giảm bớt các khâu trung gian không cần thiết để tăng cường cán bộ có năng lực cho đội sản xuất.

Thực hiện đầy đủ quy định của Nhà nước về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của cán bộ, công nhân, viên chức (nghị định số 182-CP ngày 26-4-1979). Hàng năm phải tổ chức đại hội công nhân viên chức để phát huy vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân.

Tổ chức hội đồng nông trường làm tư vấn cho giám đốc. Hội đồng nông trường bao gồm giám đốc, các phó giám đốc, các cán bộ kinh tế, kỹ thuật và quản lý chủ chốt, và đại biểu công nhân. Hội đồng có quyền thảo luận các dự án kế hoạch phát triển kinh tế, các chủ trương cải tiến quản lý trong nội bộ nông trường, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân...

Mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của giám đốc nông trường trong việc tổ chức các hoạt động kinh tế, quản lý sản xuất, quản lý lao động trong nông trường theo các yêu cầu cải tiến quản lý nói ở trên. Cần lựa chọn các cán bộ có năng lực quản lý, có phẩm chất tốt làm tổng giám đốc các liên hiệp xí nghiệp nông — công nghiệp, các nông trường lớn có vị trí kinh tế quan trọng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cần tổ chức phổ biến nghị quyết cho đến mọi cán bộ, công nhân, viên chức ở cơ sở, làm quán triệt sâu sắc nghị quyết thấy rõ nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý và ra sức thực hiện một cách chủ động, tích cực, và đạt kết quả tốt.

Bộ Nông nghiệp, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cùng với Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức của Chính phủ, Tổng Công đoàn Việt Nam và các Bộ, Tổng cục khác có liên quan xây dựng quy chế về tổ chức ngành kinh tế — kỹ thuật, điều

lệ các liên hiệp xí nghiệp nông — công nghiệp, xí nghiệp liên doanh nông — công nghiệp và quy chế cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nông trường cho phù hợp với yêu cầu cải tiến quản lý kinh tế của Trung ương.

Các Bộ Tài chính, Lao động, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng các Bộ, Tổng cục chủ quản và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương căn cứ vào những quy định trên đây sớm ban hành các văn bản cần thiết để hướng dẫn cụ thể trong phạm vi trách nhiệm của mình cho các ngành, các địa phương và nông trường thực hiện. Các văn bản hướng dẫn phải có sự phối hợp liên ngành chặt chẽ để bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ.

Các quy chế và văn bản hướng dẫn cụ thể nói trên đây cần được ban hành trong quý I năm 1985.

Dựa vào nghị quyết này, các Bộ, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan xây dựng chương trình cụ thể thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với nghị quyết này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

NGHỊ QUYẾT số 52 - HĐBT ngày 23-2-1985 về cải tiến quản lý các lâm trường quốc doanh.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa V) và chỉ thị số 50-CT/TU của Ban

Bí thư Hội đồng Bộ trưởng quyết định một số vấn đề về cải tiến quản lý lâm trường quốc doanh.

I. VỀ SẮP XẾP VÀ TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT

Cần tiến hành tổ chức và sắp xếp lại sản xuất trong các lâm trường quốc doanh theo phương hướng cụ thể sau đây:

1. Quản lý, bảo vệ tốt tài nguyên rừng và đất đai được giao nhằm nhanh chóng xây dựng vốn rừng theo đúng quy hoạch và thiết kế kinh doanh đã được duyệt.

Nâng cao năng lực sản xuất gỗ, lâm sản, đặc sản rừng. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ tận dụng gỗ nhỏ, cành ngọn và sử dụng có hiệu quả cao các nông, lâm sản khác sản xuất trên đất rừng kinh doanh.

Sản xuất của các lâm trường quốc doanh phải đi vào chuyên canh, thâm canh để có năng suất cao. Đồng thời, thực hiện tốt phương thức nông — lâm kết hợp, lợi dụng tổng hợp tài nguyên rừng, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế đất rừng, vừa thực hiện phương châm lấy ngắn nuôi dài, thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp phát triển.

— Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế.

— Phát huy vai trò nòng cốt trong sản xuất kinh doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và quản lý. Cùng với việc sắp xếp lại lâm trường, cần hết sức chú trọng thực hiện việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã và nông dân sản xuất kinh doanh, không để đất trống. Các lâm trường và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp có trách nhiệm tổ chức tốt việc hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế với các hợp tác xã và gia đình nông dân trên địa bàn và các đơn vị kinh tế khác để phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao.

2. Căn cứ vào quy hoạch phân vùng cụ thể ở các địa phương và huyện làm địa bàn

chính để sắp xếp lại hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức lâm trường quốc doanh và tiến hành việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nông dân quản lý, kinh doanh. Tùy theo điều kiện địa lý, loại rừng, luân kỳ kinh doanh và trình độ quản lý của cán bộ mà xác định quy mô của lâm trường cho thích hợp, nhưng cần bố trí mỗi lâm trường quốc doanh gọn trong địa bàn một huyện.

Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhân dân các tỉnh xúc tiến việc lập và xét duyệt các luận chứng kinh tế kỹ thuật các lâm trường để có căn cứ đầu tư và tổ chức lại sản xuất có hiệu quả. Từ nay, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ duyệt dự án đầu tư và luận chứng kinh tế kỹ thuật của các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp và ủy nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật cho các lâm trường quốc doanh trực thuộc, theo các chế độ quản lý xây dựng cơ bản hiện hành.

3. Căn cứ vào quy hoạch vùng và hiệu quả kinh doanh sản xuất cần rà xét và sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh hiện có, xác định rõ những lâm trường cần tập trung vốn đầu tư để đẩy mạnh sản xuất, những lâm trường đang có nhiều khó khăn cần chuyển hướng sản xuất kinh doanh và kiện toàn.

Trước mắt, cần tập trung vốn đầu tư để nâng cao năng lực sản xuất ở các lâm trường quốc doanh trong các vùng lâm nghiệp quan trọng như vùng cung ứng gỗ mỏ Đông Bắc, vùng cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy giấy quan trọng, vùng gỗ lớn khu 4 cũ và vùng Tây Nguyên. vùng kinh doanh các loại đặc sản xuất khẩu, rừng giống quốc gia và các lâm trường thực nghiệm về khoa học kỹ thuật.

4. Cần chấn chỉnh tổ chức sản xuất trong nội bộ các lâm trường quốc doanh theo hướng:

— Các tổ, đội sản xuất lâm sinh bố trí gắn với tiểu khu rừng để vừa làm nhiệm vụ sản xuất, vừa bảo vệ được rừng.

— Các đơn vị sản xuất chuyên môn hóa theo ngành nghề, theo công đoạn sản xuất như khai thác, vận xuất, chế biến, xây dựng cơ bản, sửa chữa cơ khí...

5. Ở những khu vực rừng tập trung với quy mô lớn, có mục tiêu kinh tế thống nhất và có nhiều quan hệ chặt chẽ về kinh tế — kỹ thuật với công nghiệp và nông nghiệp có thể tổ chức hình thức liên hiệp lâm — nông — công nghiệp. Liên hiệp lâm — nông — công nghiệp có thể bao gồm một hoặc một số lâm trường, xí nghiệp có quan hệ chặt chẽ về kinh tế, kỹ thuật trong cùng một khu kinh tế lâm nghiệp. Song cần tiến hành phân công sản xuất chuyên môn hóa, phân cấp quản lý đúng đắn, tổ chức tốt sự hợp tác giữa các xí nghiệp, lâm trường trong liên hiệp.

Bộ Lâm nghiệp cần chú trọng kiện toàn các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp hiện có. Chuẩn bị đề án thành lập những liên hiệp lâm nông — công nghiệp mới ở một số vùng kinh tế lâm nghiệp lớn và điều lệ tổ chức quản lý của liên hiệp trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

6. Phân công, phân cấp quản lý lâm trường quốc doanh và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp.

Trung ương trực tiếp quản lý các lâm trường quốc doanh và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp ở những vùng rừng có tầm quan trọng lớn về cung cấp lâm sản, sản phẩm sản xuất có nhiệm vụ cung ứng cho các vùng khác, cho các nhu cầu trọng điểm của cả nước, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, trình độ kỹ thuật và yêu cầu quản lý phức tạp, các cơ sở sản xuất giống quốc gia, các khu rừng có giá trị về nghiên cứu khoa học, bảo vệ thiên nhiên. Trước mắt, Bộ Lâm nghiệp trực tiếp quản lý các đơn vị sau đây:

— Các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp Bắc Yên (Hà Tuyên), Sông Hiếu

(Nghệ Tĩnh), Long Đại (Bình Trị Thiên), Kon Hà Nừng (Gia Lai — Kon Tum), Easúp và Gia Nghĩa (Đắc Lắc).

— Lâm trường quốc doanh La Ngà (Đồng Nai) và Hương Sơn (Nghệ Tĩnh).

— Các lâm trường giống quốc gia, lâm trường gỗ mỗ và các vườn rừng quốc gia.

— Các lâm trường quốc doanh và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp khác giao cho địa phương quản lý, trong đó, cấp tỉnh trực tiếp quản lý các lâm trường quốc doanh có vị trí kinh tế lớn, các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp. Cấp huyện quản lý những lâm trường quốc doanh quy mô nhỏ, có quan hệ chặt chẽ với phong trào trồng cây, gây rừng và đời sống của nhân dân trong huyện, trình độ kỹ thuật và yêu cầu quản lý tương đối đơn giản.

II. VỀ CẢI TIẾN CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH

A. Về kế hoạch hóa.

1. Các lâm trường quốc doanh phải lập kế hoạch sản xuất lâm nghiệp theo hướng kinh doanh toàn diện, lợi dụng tổng hợp rừng và đất đai được giao để sản xuất các loại lâm sản, đặc sản rừng, nông sản, thủy sản, nhất là các mặt hàng có giá trị xuất khẩu. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Lâm nghiệp cần xác định rõ danh mục các loại lâm sản, đặc sản, nông sản trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và những loại sản phẩm cần khuyến khích công nhân lâm trường và nông dân phát triển.

2. Kế hoạch của các lâm trường quốc doanh là một kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính thống nhất (bao gồm các bộ phận kế hoạch kinh tế — xã hội); trong đó, phải lấy kế hoạch xây dựng vốn rừng, khai thác, sử dụng rừng có hiệu quả kinh tế cao làm trung tâm. Các lâm trường

quốc doanh phải căn cứ vào luận chứng kinh tế kỹ thuật (hoặc quy hoạch lâm trường) phương án thiết kế kinh doanh rừng được duyệt và nhu cầu của nền kinh tế quốc dân để chủ động lập và trình duyệt kế hoạch trong từng thời kỳ trên cơ sở khai thác bốn nguồn khả năng và những quy định về cải tiến công tác kế hoạch hóa đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh đã ban hành.

3. Kế hoạch của các lâm trường quốc doanh phải được cân đối về hiện vật và giá trị; thể hiện quan hệ hợp lý giữa sản xuất lâm nghiệp và thực hiện kinh doanh toàn diện, lợi dụng tổng hợp tài nguyên rừng.

Nhà nước cân đối những vật tư chủ yếu cho các lâm trường sản xuất, những sản phẩm lâm, nông nghiệp trong hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh. Trong trường hợp Nhà nước không cân đối đủ vật tư để sản xuất các sản phẩm theo chỉ tiêu pháp lệnh thì các lâm trường lập kế hoạch trình cấp quản lý trực tiếp (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp) có thể cho phép sử dụng một phần sản phẩm trao đổi lấy vật tư bổ sung để bảo đảm sản xuất theo các chỉ tiêu pháp lệnh đã giao.

4. Các lâm trường quốc doanh phải coi trọng xây dựng các kế hoạch dài hạn 5 năm, 10 năm, theo luân kỳ khai thác hoặc chu kỳ kinh doanh. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch hàng năm cho phù hợp. Các kế hoạch dài hạn cũng như hàng năm của các lâm trường quốc doanh phải bảo đảm yêu cầu về khối lượng sản phẩm ổn định, liên tục của kế hoạch Nhà nước.

5. Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của các lâm trường quốc doanh gồm có:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó có phần đề xuất khấu). Giá trị những công việc lâm sinh đã hoàn thành.

— Sản phẩm lâm, nông sản phải giao nộp (có phần đề xuất khấu). Diện tích rừng trồng đã khấp tán và diện tích rừng đã điều chế, tu bổ đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định.

— Mức giảm giá thành. Cụ thể là mức giảm giá thành so với năm trước đối với những sản phẩm so sánh được, mức giảm giá thành so với giá thành kế hoạch đối với những sản phẩm mới; tổng mức giảm giá thành.

— Lợi nhuận và các khoản phải nộp ngân sách.

— Những vật tư chủ yếu, lương thực do Nhà nước cung ứng.

Trong trường hợp năng lực vốn rừng cho phép, các lâm trường quốc doanh có thể khai thác vượt mức chỉ tiêu pháp lệnh tối đa 10% để cung ứng thêm cho nhu cầu về lâm sản của địa phương có rừng nhưng phải được phép của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp chuyên y. Địa phương được cung ứng lâm sản chịu trách nhiệm cân đối vật tư khai thác phần sản phẩm này.

B. Tăng cường công tác hạch toán kinh tế, cải tiến chế độ tài chính.

1. Công tác hạch toán kinh tế đang là khâu yếu cho nên cần phải đặc biệt coi trọng chấn chỉnh lại, phải tính toán đầy đủ những chi phí tạo ra sản phẩm của rừng (tạo rừng) nhằm tạo điều kiện cho các lâm trường có thể bù đắp được chi phí sản xuất trong suốt quá trình xây dựng rừng, và tái sản xuất được vốn rừng.

Trong năm 1985, Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với các ngành có liên quan xây dựng lại điều lệ lập và hạch toán giá thành sản xuất gỗ và lâm sản thay thế cho điều lệ giá thành khai thác gỗ hiện hành đang có nhiều bất hợp lý.

Bộ Lâm nghiệp cần hoàn thiện quy trình kỹ thuật xây dựng rừng, khai thác các loại rừng và các định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với từng vùng để làm căn cứ xây dựng kế hoạch giá thành, hạch toán kinh tế và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các lâm trường.

2. Bộ Lâm nghiệp phối hợp với các ngành có liên quan xúc tiến nghiên cứu quy định giá cây đứng đối với rừng thành thực và các giai đoạn rừng nửa thành phẩm khác (rừng khép tán, rừng nuôi dưỡng...) để làm căn cứ tính toán đúng đắn giá cả sản phẩm lâm nghiệp, cải tiến chế độ cấp phát tài chính khâu tạo rừng và xây dựng chế độ hạch toán kinh tế và quản lý vốn rừng mà Nhà nước đã giao cho các lâm trường quốc doanh.

Đối với tất cả các sản phẩm chính của lâm trường ghi trong kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước thực hiện chế độ giá bán buôn xí nghiệp (giá thành + lợi nhuận định mức). Khi giao nộp sản phẩm, lâm trường được thanh toán bằng giá bán buôn xí nghiệp.

3. Những vật tư đưa vào sản xuất ở các lâm trường quốc doanh do Nhà nước cung ứng phải hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá chỉ đạo. Vật tư do lâm trường tự tìm kiếm (kể cả vật tư nhập khẩu) hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá thu mua trong khung giá do cơ quan có thẩm quyền quy định.

4. Bộ Tài chính cùng với Bộ Lâm nghiệp và các ngành có liên quan xúc tiến nghiên cứu sửa đổi lại chế độ đầu tư, cấp phát và hạch toán vốn xây dựng rừng (trồng rừng, tu bổ, điều chế để chuyển rừng tự nhiên thành rừng kinh tế...) phù hợp với đặc điểm sản xuất lâm nghiệp để thúc đẩy các lâm trường quốc doanh nâng cao trách nhiệm từ khi trồng rừng cho đến khi rừng thành thực đến tuổi khai thác sản phẩm.

Trong chu kỳ kinh doanh đầu tiên, các lâm trường sẽ được Nhà nước đầu tư theo

đúng luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt, giám đốc lâm trường có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đó và thu hồi vốn để bảo đảm kinh doanh trong chu kỳ tiếp theo. Khuyến khích các lâm trường quốc doanh sử dụng và mở rộng nguồn vốn tự có của mình và vay ngân hàng để xây dựng các công trình nhỏ, kinh doanh các sản phẩm kết hợp, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

5. Cải tiến chế độ hạch toán tài sản cố định trong các lâm trường quốc doanh theo hướng chỉ đưa vào tài sản cố định của lâm trường các công trình sản xuất, đường sá có liên quan đến sản xuất và đời sống.

6. Tạo điều kiện cho lâm trường quốc doanh có đủ vốn cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Vốn tự có. Lâm trường quốc doanh được xây dựng và mở rộng vốn tự có từ các nguồn:

— Vốn cố định và vốn lưu động do ngân sách cấp phát theo chế độ hiện hành.

— Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất.

— Quỹ khuyến khích xây dựng vốn rừng được trích một phần từ lợi nhuận của sản xuất phụ.

— Nguồn vốn khấu hao cơ bản để lại một phần hay toàn bộ, tùy theo yêu cầu mở mang, trang bị lại tài sản cố định.

— Nguồn vốn ngoại tệ được quyền sử dụng.

— Các nguồn thu khác như tiền thưởng về tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, vốn hỗ trợ của cấp trên..

Lâm trường được quyền sử dụng vốn tự có theo đúng mục đích quy định, có kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, kể cả việc hùn vốn với các đơn vị kinh tế khác để liên doanh sản xuất.

Vốn tự có của lâm trường quốc doanh không dùng hết được chuyển sang năm

sau không phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

— Nhà nước tập trung đầu tư lần đầu theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt.

— Đồi mới các công trình xây dựng nhỏ, đầu tư theo chiều sâu, lãi trường đầu tư bằng vốn tự có, nếu còn thiếu thì vay ngân hàng.

— Lãi trường có trách nhiệm quản lý và sử dụng tốt các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm thu hồi đủ vốn cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo.

Vốn lưu động: Trên cơ sở định mức ban đầu, Nhà nước cấp 50%, lãi trường được vay ngân hàng số vốn cần thiết còn lại. Hàng năm lãi trường có thể dùng một phần vốn tự có để bổ sung vốn lưu động. Trường hợp do thay đổi nhiệm vụ sản xuất, giá vật tư, tiền lương công nhân mà vốn tự có không đủ, thì cơ quan chủ quản cùng với cơ quan tài chính, ngân hàng cùng cấp phải kịp thời xác định lại vốn lưu động định mức mới cho lãi trường.

7. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

a) Lợi nhuận định mức được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá thành hợp lý được duyệt theo quy định sau đây:

— Đối với sản phẩm sản xuất bằng vật tư Nhà nước giao thì tỷ lệ lợi nhuận định mức được tính từ 10 đến 20% trên giá thành hợp lý. Bộ Lâm nghiệp cùng Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước quy định cụ thể cho từng loại sản phẩm trong khung mức nói trên.

— Lợi nhuận định mức của sản phẩm sản xuất bằng vật tư do lãi trường tự tìm kiếm có đăng ký trong kế hoạch, được xác định bằng lợi nhuận định mức theo số tiền tuyệt đối của sản phẩm cùng loại do Nhà nước cung ứng vật tư.

b) Lợi nhuận thực hiện của lãi trường được phân phối như sau:

— Nếu là sản phẩm do Nhà nước cung ứng vật tư thì nộp ngân sách 50% (bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) và để lại lãi trường 50%.

— Nếu là sản phẩm sản xuất bằng vật tư tự tìm kiếm thì nộp vào ngân sách Nhà nước (bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) từ 20 đến 40%, để lại cho lãi trường từ 60 đến 80%.

Lợi nhuận sản xuất kinh doanh phụ nộp vào ngân sách Nhà nước (bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) 30%, để lại cho lãi trường 70%.

Lợi nhuận để lại cho lãi trường sau khi thanh toán các khoản nộp bắt buộc như phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nợ ngân hàng quá hạn, chi trả các khoản bất hợp lý không được hạch toán vào giá thành, số còn lại (coi như 100%) được phân phối như sau:

— Trích quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và bổ sung vốn lưu động định mức tối thiểu từ 20 đến 30% và không hạn chế số tối đa trong đó dành từ 1 đến 2% để lập quỹ dự trữ tập trung của cơ quan quản lý cấp trên.

— Số còn lại sau khi đã dành 1% để lập quỹ Bộ trưởng (quỹ liên hiệp các xí nghiệp, công ty... nếu có) được sử dụng để lập quỹ khen thưởng và phúc lợi. Giám đốc lãi trường cùng với công đoàn quyết định tỷ lệ trích cho mỗi quỹ theo hướng khoảng 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi.

Nếu quỹ khen thưởng vượt quá 30% của quỹ lương cơ bản thực hiện thì lãi trường phải nộp một tỷ lệ phần trăm lũy tiến từng phần vào ngân sách Nhà nước theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính.

Toàn bộ quỹ phúc lợi để lại cho lãi trường do công đoàn cơ sở chủ động cùng với giám đốc lập phương án sử dụng đưa ra hội nghị công nhân viên chức thảo luận quyết định.

Các lâm trường quốc doanh và các liên hiệp lâm - nông - công nghiệp của trung ương có nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách địa phương nơi lâm trường đóng theo đúng quy định tại điểm 9, mục II nghị quyết số 138-HDBT ngày 19-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng. Ngoài ra, lâm trường không phải đóng góp cho ngân sách địa phương (tỉnh, quận, huyện, phường, xã) bất cứ một khoản nào khác trích từ quỹ phúc lợi của lâm trường.

— Lợi nhuận do kinh doanh sản xuất phụ thu được, sau khi đã trích nộp vào ngân sách (30%), phần còn lại sẽ được trích một khoản tối đa bằng 20% so với tổng giá thành hợp lý của các sản phẩm kinh doanh phụ đã tiêu thụ để trích lập quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của lâm trường. Số còn lại dùng để trích lập quỹ khuyến khích phát triển vốn rừng Bộ Tài chính và Bộ Lâm nghiệp sẽ quy định cụ thể chế độ quản lý và sử dụng quỹ này ở các lâm trường quốc doanh.

C. Về tiêu thụ sản phẩm và khuyến khích sản xuất sản phẩm xuất khẩu.

1. Đối với những sản phẩm do lâm trường quốc doanh sản xuất nằm trong chỉ tiêu pháp lệnh thì lâm trường phải giao nộp theo đúng chỉ tiêu quy định, kể cả phần sản phẩm đã sản xuất vượt kế hoạch đều phải giao nộp và tiêu thụ theo kế hoạch được duyệt, nhưng được xét thưởng về mặt giá trị. Những sản phẩm khác sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ giao nộp thì lâm trường được quyền bán cho các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa và phải chấp hành đúng các quy định về quản lý thị trường.

2. Những sản phẩm phụ của các lâm trường quốc doanh phải ưu tiên bán cho các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo giá bảo đảm kinh doanh thông qua chế độ hợp đồng kinh tế. Trường

hợp các tổ chức này không nhận tiêu thụ thì lâm trường được quyền bán cho các tổ chức tiêu thụ khác theo giá thỏa thuận.

3. Đề khuyến khích các lâm trường quốc doanh phát huy tốt các tiềm năng kinh tế của đất rừng, đối với các sản phẩm nông nghiệp do lâm trường sản xuất được bán cho Nhà nước theo giá bảo đảm kinh doanh. Nếu lâm trường quốc doanh sử dụng lương thực, thực phẩm do mình sản xuất được, giảm bớt phần lương thực, thực phẩm do Nhà nước cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng thì phần lương thực, thực phẩm đã sử dụng đó được Nhà nước thanh toán theo giá bảo đảm kinh doanh (cấp bù chênh lệch giá).

4. Cho phép các lâm trường quốc doanh được dùng gỗ cành ngọn, gỗ sâu bệnh để chế biến hàng tiêu dùng và liên doanh liên kết kinh tế với các đơn vị kinh tế khác để tiêu thụ theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Lâm nghiệp. Cho phép một số lâm trường quốc doanh, liên hiệp lâm - nông - công nghiệp có điều kiện, được mở cửa hàng giới thiệu sản phẩm và bán các sản phẩm do mình sản xuất tại các thị trấn, thị xã, thành phố, nhưng phải chấp hành đúng các chế độ quản lý tại chính, giá cả, thị trường của Nhà nước.

5. Khuyến khích sản xuất lâm nông sản xuất khẩu.

Lợi nhuận định mức của những lâm sản, nông sản xuất khẩu được tính cao hơn so với lợi nhuận định mức của sản phẩm cùng loại tiêu thụ trong nước từ 10 đến 20%.

Các lâm trường quốc doanh có mặt hàng xuất khẩu được hưởng một phần lãi bằng ngoại tệ, trên cơ sở đó, lập quỹ ngoại tệ để phát triển sản xuất và có quyền sử dụng ngoại tệ theo các quy định hiện hành. Ngoại tệ được sử dụng để mua vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và mua một số hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, văn hóa cho cán bộ, công nhân viên trong xí nghiệp.

Các liên hiệp xí nghiệp và lâm trường có mặt hàng xuất khẩu lớn, có kế hoạch ổn định, được cấp trên cho phép có thể trực tiếp tham gia xuất khẩu và thành lập tổ chức chuyên lo công tác xuất, nhập khẩu theo sự hướng dẫn thống nhất của Bộ Lâm nghiệp và sự quản lý về mặt Nhà nước của Bộ Ngoại thương.

D. Về lao động, tiền lương và đời sống.

1. Cho phép các lâm trường quốc doanh được chủ động thu hút lao động và dân cư tại chỗ, lao động đi xây dựng kinh tế mới (kể cả gia đình công nhân, viên chức muốn đến lâm trường quốc doanh để tham gia sản xuất và đoàn tụ gia đình) chủ yếu bằng hình thức hợp đồng lao động dài hạn đáp ứng nhu cầu lao động theo kế hoạch được duyệt. Số lao động này được hưởng các chính sách lao động đi xây dựng kinh tế mới và được giải quyết quyền lợi thông qua đơn giá khoán. Giám đốc các lâm trường quốc doanh có trách nhiệm sử dụng hợp lý nguồn lao động đó để phát triển sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp và các ngành nghề khác, bảo đảm đời sống của họ. Bộ Lâm nghiệp và Bộ Lao động hướng dẫn một số địa phương tiến hành thí điểm và rút kinh nghiệm để phổ biến.

2. Mở rộng việc thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Khuyến khích các hình thức khoán gọn để tăng cường trách nhiệm quản lý, bảo vệ và nuôi trồng rừng.

3. Mỗi gia đình cán bộ, công nhân viên của lâm trường quốc doanh được cấp từ 500 đến 1000m² đất (tùy điều kiện từng nơi) để làm nhà và lập vườn gia đình. Tùy theo điều kiện cụ thể ở từng nơi, các lâm trường quốc doanh có thể bán gỗ, tre, nứa và nhượng lại vật liệu cho cán bộ, công nhân viên chức làm nhà ở tại các lâm trường quốc doanh để ổn định đời sống và sản xuất.

4. Trong kế hoạch xây dựng cơ bản ở các lâm trường quốc doanh, cần chú trọng

xây dựng nhà ở, cơ sở y tế, trường học, và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để cải thiện đời sống cho công nhân lâm trường.

5. Đặt thêm một khoản phụ cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức công tác ở các lâm trường quốc doanh có nhiều điều kiện khó khăn trong công tác và sinh hoạt. Bộ Lâm nghiệp cùng Bộ Lao động nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

6. Đối với con em các cán bộ, công nhân, viên chức (kể cả lao động theo hình thức hợp đồng) công tác ở các lâm trường quốc doanh nằm ở vùng xa xôi, hẻo lánh được hưởng các chế độ ưu tiên về học tập như con em của đồng bào dân tộc sinh sống trên cùng địa bàn.

III. CHẤM CHỈNH BỘ MÁY QUẢN LÝ CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH VÀ CÁC LIÊN HIỆP LÂM - NÔNG - CÔNG NGHIỆP

Cần chấn chỉnh bộ máy quản lý các lâm trường cho gọn nhẹ. Kiên quyết xóa bỏ các tầng nấc trung gian không cần thiết cho sản xuất, kinh doanh.

Theo tinh thần nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, cần tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của giám đốc lâm trường trong các việc xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất, kinh doanh, sử dụng vốn, lao động, định hình thức trả lương, tiền thưởng...

Đồng thời, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân viên chức. Thành lập hội đồng lâm trường với thành phần giám đốc, các phó giám đốc, các kỹ sư trưởng, các đội trưởng và đại biểu cán bộ, công nhân làm tư vấn cho giám đốc. Hội đồng lâm trường có quyền thảo luận các dự án kế hoạch kinh tế, các chủ trương, kế hoạch tổ chức sản xuất, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, tổ chức đời sống... Hàng năm, giám đốc và thư ký công đoàn có trách nhiệm tổ chức đại hội công nhân, viên chức lâm trường

0163826

www.TimVienPhapLuat.com Tel: +84 4 3815 6684

hoặc đại hội đại biểu để **quản** chúng tham gia ý kiến.

Bộ Lâm nghiệp, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu quy chế tổ chức các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp và điều lệ hoạt động trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

IV. TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH

Bộ Lâm nghiệp có chức năng thống nhất quản lý toàn ngành trên phạm vi cả nước về các mặt quy hoạch, các chính sách phát triển khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế lâm nghiệp và các chính sách, chế độ cụ thể về tổ chức quản lý lâm trường, liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ chuyên môn về lâm nghiệp, hoàn thiện chính sách giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nông dân.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, ngoài nhiệm vụ trực tiếp quản lý các lâm trường và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp được phân công, có trách nhiệm quản lý Nhà nước trên phạm vi lãnh thổ tất cả các lâm trường quốc doanh và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp của trung ương ở địa phương theo các chế độ quản lý hiện hành. Ủy ban Nhân dân các địa phương cùng với Bộ Lâm nghiệp phối hợp tổ chức tốt sự phân công và hợp tác giữa các lâm trường và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp để phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao, giám sát các hoạt động về mọi mặt kinh tế, xã hội, giúp đỡ các lâm trường và liên hiệp lâm — nông — công nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh và tổ chức đời sống cho công nhân viên chức.

Giám đốc các lâm trường và tổng giám đốc các liên hiệp lâm — nông — công

nghiệp có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của mình với cơ quan chủ quản và Ủy ban Nhân dân địa phương về dự án và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước và các vấn đề khác có quan hệ với địa phương.

Các Sở lâm nghiệp tỉnh, thành phố cần tăng cường cho cấp huyện đủ sức quản lý các lâm trường quốc doanh được phân công.

Bộ Lâm nghiệp và các ngành có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao và ban hành hoặc trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành những chính sách chế độ cần thiết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với nghị quyết này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 55-HĐBT ngày 27-2-1985 về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới một số xã của huyện Đà Bắc thuộc tỉnh Hà Sơn Bình.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980 ;